

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
TRUNG TÂM Y TẾ  
QUẬN SƠN TRÀ

Số: /TM-YTST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn Trà, ngày tháng 8 năm 2023

**THƯ MỜI CHÀO GIÁ**  
**V/v Mua sắm Vật tư Y tế phẫu thuật cho**  
**Trung tâm Y tế quận Sơn Trà năm 2023-2024**

Kính gửi: Quý công ty

Hiện nay, Trung tâm Y tế quận Sơn Trà có nhu cầu mua sắm Vật tư Y tế phẫu thuật cần để phục vụ chuyên môn sử dụng tại bệnh viện.

Để có cơ sở xây dựng kế hoạch mua sắm, Trung tâm Y tế quận Sơn Trà kính mời các Quý công ty khảo sát và báo giá mặt hàng Vật tư Y tế phẫu thuật cụ thể như sau: Phụ lục đính kèm.

Thời gian nộp báo giá: Hạn cuối đến 17h ngày 25 tháng 08 năm 2023

Nơi nhận: Hành chính – Văn thư – Tầng 9, Trung tâm Y tế quận Sơn Trà.  
Địa chỉ: 1118 Ngô Quyền, An Hải Tây, Sơn Trà, Đà Nẵng.

Địa chỉ liên hệ: [trungtamytesontra@danang.gov.vn](mailto:trungtamytesontra@danang.gov.vn)

Số điện thoại: 02363.944.294

Thông tin được đăng tải tại trang Web của Trung tâm Y tế quận Sơn Trà:  
<https://benhviensontra.com.vn/vi/>

Hồ sơ báo giá gồm các loại giấy tờ như sau:

- Báo giá do đại diện công ty ký và đóng dấu công ty. Bảng chào giá phải được bỏ vào phong bì, niêm kín miệng bao để bảo mật và tạo sự khách quan trong việc tạo giá.
- Bản photo công chứng Giấy phép kinh doanh.
- Cung cấp thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, giá kê khai các mặt hàng.

Bệnh viện rất mong nhận được sự hợp tác của Quý công ty để kịp thời mua sắm hàng hóa phục vụ công tác khám chữa bệnh.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, KD-TTB-VTTYT

**GIÁM ĐỐC**

**Ngô Văn Đình Hoài**

## PHỤ LỤC: HÀNG HÓA ĐỀ NGHỊ CHÀO GIÁ

(Đính kèm thư mời chào giá số: /TM-YTST ngày tháng 8 năm 2023 của Giám đốc TTYT quận Sơn Trà)

| STT | Tên dụng cụ, vật tư nha khoa | Hãng sản xuất                      | Thông số kỹ thuật hoặc tương đương                                                                                                                                                                                                                                                         | ĐVT | SL |
|-----|------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----|
| 1   | Nẹp chữ T nhỏ 5 lỗ           | Orthon<br>Innovations-<br>Pakistan | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dày 1,5mm; rộng 11,0mm</li> <li>- Có 5 lỗ</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE</li> </ul> Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)                              | Cái | 15 |
| 2   | Nẹp chữ T nhỏ 4 lỗ           | Orthon<br>Innovations-<br>Pakistan | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dày 1,5mm; rộng 11,0mm</li> <li>- Có 4 lỗ</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE</li> </ul> Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)                              | Cái | 15 |
| 3   | Nẹp chữ T lớn 5 lỗ           | Orthon<br>Innovations-<br>Pakistan | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dày 2,5mm; rộng 15,7mm</li> <li>- Có 3 lỗ đầu</li> <li>- Có 5 lỗ thân</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE</li> </ul> Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)  | Cái | 10 |
| 4   | Nẹp chữ T lớn 4 lỗ           | Orthon<br>Innovations-<br>Pakistan | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dày 2,5mm; rộng 15,7mm</li> <li>- Có 3 lỗ đầu</li> <li>- Có 42 lỗ thân</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE</li> </ul> Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8) | Cái | 10 |

| STT | Tên dụng cụ, vật tư nha khoa | Hãng sản xuất                      | Thông số kĩ thuật hoặc tương đương                                                                                                                                                                                                                            | ĐVT | SL |
|-----|------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----|
| 5   | Nẹp căng tay 6 lỗ            | Orthon<br>Innovations-<br>Pakistan | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dày 2,5mm; rộng 9,5mm</li> <li>- Có 6 lỗ</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE</li> </ul> Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)  | Cái | 14 |
| 6   | Nẹp căng tay 8 lỗ            | Orthon<br>Innovations-<br>Pakistan | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dày 2,5mm; rộng 9,5mm</li> <li>- Có 8 lỗ</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE</li> </ul> Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)  | Cái | 6  |
| 7   | Nẹp mắc xích 8 lỗ            | Orthon<br>Innovations-<br>Pakistan | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dày 3,0mm; rộng 11,0mm</li> <li>- Có 8 lỗ</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE</li> </ul> Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8) | Cái | 10 |
| 8   | Nẹp mắc xích 6 lỗ            |                                    |                                                                                                                                                                                                                                                               | Cái | 10 |
| 9   | Nẹp lòng máng 6 lỗ           | Orthon<br>Innovations-<br>Pakistan | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dày 1,5mm, rộng 10,0mm</li> <li>- Có 6 lỗ</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE</li> </ul> Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8) | Cái | 4  |
| 10  | Nẹp căng chân 6 lỗ           |                                    |                                                                                                                                                                                                                                                               | Cái | 10 |
| 11  | Nẹp căng chân 8 lỗ           |                                    |                                                                                                                                                                                                                                                               | Cái | 10 |

| STT | Tên dụng cụ, vật tư nha khoa    | Hãng sản xuất                    | Thông số kĩ thuật hoặc tương đương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | ĐVT | SL  |
|-----|---------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|
| 12  | Vis vỏ 3.5 (14,16,18,20)        | Orthon Innovations<br>- Pakistan | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dài 10-50mm với bước tăng 2mm; 55-100mm với bước tăng 5mm</li> <li>- Đường kính mũ vít: 6,0mm; Đường kính lõi vít: 2,5mm; Đường kính thân ren: 3,5mm</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE</li> </ul> Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8) | Cái | 400 |
| 13  | Vis vỏ 4.5<br>(24,28,32,36,38)  | Orthon Innovations<br>- Pakistan | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dài 14-50mm với bước tăng 2mm; 55-120mm với bước tăng 5mm</li> <li>- Đường kính mũ vít: 8,0mm; Đường kính lõi vít: 3,5mm; Đường kính thân ren: 4,5mm</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE</li> </ul> Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8) | Cái | 230 |
| 14  | Vis xóp 4.5<br>(45,50,65,70,75) | Orthon Innovations<br>- Pakistan | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dài 25-110mm với bước tăng 5mm, ren bán phần</li> <li>- Đường kính mũ vít: 8,0mm; Đường kính lõi vít: 3,5mm; Đường kính thân ren: 4,5mm</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE</li> </ul> Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)              | Cái | 30  |
| 15  | Vis xóp 3.5 (30,32,34)          | Orthon Innovations<br>- Pakistan | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dài 14-50mm với bước tăng 2mm; 55-100mm với bước tăng 5mm</li> <li>- Đường kính mũ vít: 6,0mm; Đường kính lõi vít: 2,5mm; Đường kính thân ren: 3,5mm</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE</li> </ul> Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8) | Cái | 30  |

| STT                    | Tên dụng cụ, vật tư nha khoa | Hãng sản xuất                    | Thông số kĩ thuật hoặc tương đương                                                                                                                                                                                                     | ĐVT | SL |
|------------------------|------------------------------|----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----|
| 16                     | Mũi khoan 2.5                | Goldtier – Pakistan              | - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE Chất liệu thép không gỉ                                                                                                                                                                            | Cái | 10 |
| 17                     | Mũi khoan 3.5                | Goldtier – Pakistan              | - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE Chất liệu thép không gỉ                                                                                                                                                                            | Cái | 10 |
| 18                     | Đinh K 2.0                   | Orthon Innovations<br>- Pakistan | - Đường kính: 1.0/1.2/1.5/1.8/2.0/2.2/2.5/3.0/3.5mm<br>- Chiều dài: 310mm<br>- Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE<br>Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8) | Cái | 30 |
| <b>Tổng : 18 khoản</b> |                              |                                  |                                                                                                                                                                                                                                        |     |    |